

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hồng Vân.
2. Ông Hoàng Văn Thường.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Bị đơn:**

+ Ông Nông Văn T, sinh năm 1970. Có mặt.

+ Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1976. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ngõ A, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- **Người làm chứng:**

+ Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà C, đường C, khu T, thị trấn H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Phạm M, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số A, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2021, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và vợ chồng ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T1 có quan hệ quen biết nhau. Ngày 06/5/2022 (âm lịch), hai ông bà hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng; khi vay tiền, bà Hoàng Thị T1 có viết giấy vay tiền đề ngày 06/5/2022 và được cả hai bên được ký xác nhận, sau đó bà Hoàng Thị T1 có nói là vay trong vòng 01 tháng sẽ thu xếp trả tiền, nên bà Nguyễn Thị B không tính lãi. Tuy nhiên đến hạn vợ chồng họ không trả được tiền cho bà.

Đến ngày 14/7/2022 (dương lịch) tức ngày 16/6/2022 (âm lịch), hai vợ chồng tiếp tục hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng; hai bên có lập giấy vay tiền do bà Hoàng Thị T1 viết tay và cùng ký, lúc đó ông Nông Văn T cũng có mặt và nói “*một mình bà T1 ký vào giấy là được rồi*”. Trong giấy vay tiền, phần cuối trang có ghi chữ “*Tiền lại: 700.000*” là nội dung hai bên thỏa thuận về việc tính lãi suất của khoản vay 70.000.000 đồng tương ứng 700.000 đồng/tháng. Bà Hoàng Thị T1 hẹn khi nào bán được nhà thì sẽ trả tiền toàn bộ hai khoản vay là 120.000.000 đồng và tự nguyện trả lãi 1.200.000 đồng/tháng/nợ gốc.

Sau một năm kể từ ngày cho vay tiền, bà Nguyễn Thị B đã đến nhà ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T1 để đòi tiền nhiều lần nhưng họ không trả; dẫn đến việc, hai bên đã thống nhất cùng nhau lập “*Giấy xác nhận trả nợ*” ngày 23/7/2023 để chốt lại hai khoản vay trước đó; có ông Phạm Minh L1 hàng xóm cạnh nhà bà T1 ký làm chứng. Tổng số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng, trong đó có 02 món vay trước cộng với 10.000.000 đồng tiền thuê nhà (bị đơn thuê làm quán bán hàng), thỏa thuận gia hạn trả nợ đến ngày 23/12/2023, “*bà T1 tự nguyện trả lãi 1.200^N.1 tháng*” tức là tự nguyện trả tiền lãi 1.200.000 đồng/tháng/tổng số tiền vay. Nếu đến hết ngày 23/12/2023, không trả được nợ thì sẽ đổi bằng đồ nội thất gổ tính theo định giá.

Đến hạn, do không trả được tiền nên bà Nguyễn Thị B có đến xem đồ nội thất, tuy nhiên khi bà Hoàng Thị T1 nói bộ bàn ghế với kệ tivi có giá 100.000.000 đồng là không hợp lý nên bà yêu cầu trả khoản vay bằng tiền mặt; bà Hoàng Thị T1 hẹn khi nào bán được nhà thì sẽ trả đủ tiền. Trong suốt thời gian sau khi thỏa thuận lãi, vợ chồng ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T1 mới chỉ trả được 1.200.000 đồng tiền lãi của 01 tháng, khi trả không lập giấy tờ nên vì lâu ngày bà cũng không nhớ vào thời gian nào.

Tiếp đến tháng 01/2024 dương lịch hai bên đã thống nhất thỏa thuận lập Giấy vay tiền (thay cho hợp đồng vay tiền) với nội dung ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả số tiền 161.030.000 đồng; trong đó có 130.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi bà tạm tính đối với khoản vay 120.000.000 đồng từ ngày cho vay 06/5/2022 đến tháng 05/2024 dương lịch là 31.030.000 đồng; các bị đơn hẹn bán nhà được sẽ trả đủ tiền cho bà. Khi lập giấy

vay tiền có bà Nguyễn Thị B, ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 tự đọc và đồng ý ký vào phần người vay tiền, sau đó bà mang Giấy vay tiền đến nhà chị Hoàng Thị L để ký vào phần làm chứng. Toàn bộ số tiền cho vay là tiền cá nhân của bà Nguyễn Thị B tự đi vay, không liên quan đến các thành viên còn lại trong gia đình.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà toàn bộ số tiền 161.030.000 đồng theo Giấy vay tiền đã thoả thuận vào tháng 01/2024 dương lịch, tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất từ khi chốt nợ đến khi giải quyết tại Tòa án; trường hợp chậm trả, bị đơn phải chịu lãi xuất 01%/tiền nợ gốc/tháng kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Vợ chồng bà có mối quan hệ quen biết với nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Ngày 06/5/2022, vợ chồng bà có hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng để sửa sang lại căn nhà thuê của bà Nguyễn Thị B để bán hàng ăn; có viết giấy vay tiền tại nhà của bà. Khi vay hai bên không hẹn thời hạn trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị B có nói cho vay trước 50.000.000 đồng để sửa sang lại quán, sau bán hàng nếu có thiếu tiền thì sẽ cho vay tiếp.

Đến ngày 14/7/2022 (tức 16/6/2022 âm lịch), vợ chồng bà tục hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị B viết tay và bà có được ký, sau đó giao nhận tiền. Bà thừa nhận nội dung trong phần cuối trang giấy vay tiền có ghi “*Tiền lại: 700.000*” là thoả thuận tính lãi suất của khoản vay 70.000.000 đồng theo lãi suất ngân hàng 01%/tháng là 700.000 đồng/tháng.

Khoảng tháng 7/2023, do nguyên đơn đòi lại nhà quán không cho bà thuê bán hàng ăn nữa, nên vợ chồng bà đã chuyển tất cả đồ đạc, dỡ hết mái tôn ở quán thuê chuyển về nhà tại khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 23/7/2023, bà Nguyễn Thị B đến đòi lại tài sản và đòi trả tiền; hai bên có xô xát, cãi nhau tuy nhiên sau đó đã thống nhất cùng nhau lập “giấy xác nhận trả nợ” ngày 23/7/2023 để chốt lại khoản vay nợ và tiền thuê nhà tổng số tiền là 130.000.000 đồng. Khi viết giấy xác nhận có ông Phạm Minh L1 người làm chứng ký xác nhận vào trong giấy.

Hai bên thoả thuận gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 23/12/2023 dương lịch, bà Hoàng Thị T1 đồng trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng là 1.200.000 đồng/tháng. Bà Nguyễn Thị B có nói đến hẹn, vợ chồng bà T1 không trả được nợ thì sẽ đổi bằng đồ nội thất gỗ của gia đình để trừ nợ tính theo giá ngân hàng định giá. Sau đó bà Nguyễn Thị B đến xem và bà Hoàng Thị T1 có được yêu cầu, nếu

lấy đồ nội thất thì phải trừ hết khoản nợ 130.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị B không đồng ý.

Bà có trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền lãi 1.200.000 đồng hàng tháng của khoản vay được khoảng 3-4 lần, khi trả đưa tiền mặt trực tiếp, không lập giấy tờ, vì lâu ngày nên bà không nhớ đã trả tiền lãi vào thời gian nào.

Đến tháng 01/2024 hai bên đã thống nhất thoả thuận lập Giấy vay tiền (thay cho hợp đồng vay tiền) với nội dung là vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 161.030.000 đồng, trong đó có 130.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đối với khoản vay 120.000.000 đồng từ ngày cho vay 06/5/2022 đến tháng 01/2024 dương lịch là 31.030.000 đồng. Khi chót nợ vợ chồng bà hẹn khi nào có tiền thì sẽ trả dần, khi đó do bà Nguyễn Thị B cũng đồng ý nên vợ chồng bà mới đồng ý ký giấy vay tiền.

Nay bà Hoàng Thị T1 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc vợ chồng bà có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 161.030.000 đồng, trường hợp chậm trả bị đơn phải chịu lãi xuất 1%/tiền nợ gốc/tháng kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thi hành xong khoản nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà T1 không đồng ý với phương thức trả một lần của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu khi có tiền sẽ trả dần.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nông Văn T trình bày:

Ông đồng nhất ý kiến với phần trình bày, yêu cầu của bà Hoàng Thị T1. Những lần vay tiền đều do vợ ông trực tiếp thoả thuận, nhận tiền; mặc dù những lần vay tiền, ông không được trực tiếp ký vào các giấy vay tiền đề ngày 6/5/2022 và ngày 14/7/2022 dương lịch nhưng vợ chồng ông đã thống nhất trước với nhau về việc vay tiền và vay với mục đích để mở quán bán hàng ăn phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung của gia đình.

Người làm chứng bà Hoàng Thị L trình bày: Ngày 06/5/2022 bà có được chở bà Nguyễn Thị B ra Ngân hàng L2 chi nhánh huyện H, tỉnh Lạng Sơn để rút 50.000.000 đồng tiền mặt và mang đến nhà cho vợ chồng ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 vay tiền. Tuy nhiên khi đến nhà thì bà không vào cùng nên không trực tiếp nhìn thấy việc giao tiền. Đến khoảng tháng 01/2024, bà Nguyễn Thị B có đến nhà và cầm theo “*Giấy vay tiền*”, sau đó bà cũng đồng ý ký làm chứng.

Người làm chứng ông Phạm M trình bày: Ông có được ký xác nhận là người làm chứng vào “*giấy xác nhận trả nợ*” ngày 23/7/2023 với số tiền là 130.000.000 đồng. Việc vợ chồng ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 bán nhà hay chưa thì ông không biết, hiện ông đang ở nhờ tại nhà đất của họ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành mở phiên họp cho các đương sự kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ; hòa giải vào ngày 21/02/2025 nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 19, 20, 117, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 161.030.000đ. Kể từ ngày 01/4/2025 bị đơn phải chịu lãi xuất 1%/tiền nợ gốc/tháng cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

- Không chấp nhận đối với các yêu cầu về phương thức trả tiền của nguyên đơn.

Về án phí áp dụng Điều 147 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 161.030.000 đồng theo các Giấy vay tiền và giấy xác nhận trả nợ nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T1 đều cư trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đã giao nộp cho Tòa án 03 giấy vay tiền và 01 giấy xác nhận trả nợ, cụ thể:

[3] Thứ nhất, đối với Giấy vay tiền ngày 06/5/2022, bị đơn bà Hoàng Thị T1 có vay số tiền 50.000.000 đồng của nguyên đơn, khi vay hai bên không thỏa

thuận tính lãi của khoản vay này. Mặc dù phần trình bày của hai bên mâu thuẫn về mục đích vay và bà Nguyễn Thị T2 cho rằng chữ ký trong giấy vay tiền ngày 06/5/2022 không phải chữ ký của bà nhưng không đề nghị giám định và bản thân tự thừa nhận ngày 06/5/2022 có được vay số tiền 50.000.000 đồng nhưng chỉ thoả thuận bằng miệng. Ngoài ra, ông Nông Văn T cũng thừa nhận ngày hôm đó bà Nguyễn Thị B có mang số tiền 50.000.000 đồng xuống nhà gặp bà Hoàng Thị T1 để cho vợ chồng bị đơn vay để sửa sang lại quán bán hàng ăn; nên xác định việc vay số tiền 50.000.000đ là có thật, tình tiết không phải chứng minh.

[4] Thứ hai, đối với Giấy vay tiền ngày 14/7/2022 dương lịch (ngày 16/6/2022 âm lịch), bị đơn bà Hoàng Thị T1 có vay số tiền 70.000.000 đồng của nguyên đơn, khi vay hai bên được thoả thuận tính lãi 01%/tháng đối với số tiền 70.000.000 đồng là 700.000 đồng/tháng. Mặc dù phần trình bày của hai bên mâu thuẫn về thời hạn trả nợ và ông Nông Văn T trình bày không được chứng kiến, tuy nhiên phía bị đơn xác định được vay số tiền 70.000.000 đồng và được thoả thuận tính lãi suất 700.000 đồng/tháng đối với khoản vay trên, nhưng sau đó bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi theo thoả thuận.

[5] Thứ ba, đối với Giấy xác nhận trả nợ ngày 23/7/2023, hai bên đã chốt lại khoản vay hai lần trước đó vào các ngày 06/5/2022 và ngày 14/7/2022 dương lịch là 120.000.000 đồng cùng với 10.000.000 đồng tiền thuê nhà vợ chồng bị đơn còn nợ, tổng 130.000.000 đồng. Ngoài ra, khi lập Giấy xác nhận trả nợ hai bên tự nguyện thoả thuận tính lãi 1.200.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 23/12/2023. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chỉ trả được tiền lãi 1.200.000 đồng một lần, bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi được 3-4 lần, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình và hai bên đương sự cũng không tranh chấp về nội dung này.

[6] Thứ tư, đối với giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm, tuy nhiên phần nội dung thể hiện việc bị đơn vay tiền “ từ tháng 6/2022 đến nay là tháng 01 năm 2024” vẫn chưa trả tiền. Do vợ chồng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Giấy xác nhận trả nợ lập ngày 23/7/2023 nên hai bên đã thoả thuận chốt lại các khoản vay là 161.030.000 đồng, bao gồm: Các khoản vay và nợ trước đó giữa nguyên đơn và bị đơn là 130.000.000 đồng cùng tiền lãi 30.000.000 đồng (từ 06/5/2022 đến tháng 5/2024); 330.000 đồng tiền bà Nguyễn Thị Bình B1 giấy cho các bị đơn; 700.000 đồng tiền bà Nguyễn Thị B phải đi cầm cố sổ tiết kiệm lấy tiền cho ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 vay.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 đều thừa nhận đã cùng nguyên đơn chốt nợ sau cùng vào tháng 01/2024 và thống nhất thoả thuận lập Giấy vay tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, các giấy vay tiền và cam kết trả nợ giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nông Văn

T, bà Hoàng Thị T1 được xác lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay.

[8] Tại các Giấy vay tiền ngày 06/5/2022, ngày 14/7/2022 dương lịch hai bên không thoả thuận thời hạn trả nợ và phần trình bày về thời hạn trả nợ của các bên là mâu thuẫn. Tuy nhiên ngày 23/7/2023, hai bên đã xác định thời hạn trả nợ của khoản vay là đến ngày 23/12/2023 và thực tế đến thời hạn trả nợ bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết; nên đến tháng 01/2024, hai bên đã lập Giấy vay tiền (thay cho Hợp đồng vay tiền) để chốt lại khoản nợ. Như vậy, có cơ sở để xác định ông T và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ là có căn cứ và được chấp nhận.

[9] Về yêu cầu tính lãi: Các đương sự thừa nhận tại Giấy vay tiền ngày 14/7/2022 âm lịch hai bên thoả thuận tính lãi 700.000 đồng/tháng, nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và tại Giấy xác nhận trả nợ ngày 23/7/2023 hai bên thoả thuận tính lãi 1.200.000 đồng/tháng từ thời điểm vay lần đầu đến thời hạn trả nợ là 23/12/2023. Xét thấy phần trình bày của các đương sự có mâu thuẫn về những lần trả tiền lãi, tuy nhiên tại phiên toà các đương sự không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của mình. Tại giấy chốt nợ cuối cùng lập vào tháng 01/2024, hai bên đã xác định lại số tiền vay tổng là 161.030.000 đồng, không thoả thuận tính lãi, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ khi chốt nợ tháng 01/2024 đến ngày xét xử 31/3/2025.

[10] Đối với yêu cầu tính lãi xuất 01%/tháng đối với số tiền còn nợ kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành trả xong khoản nợ; yêu cầu mức lãi xuất tương ứng 12%/năm là phù hợp quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm bởi theo thoả thuận vay được các bên thừa nhận thì đây là khoản vay có lãi xuất hơn nữa tại phiên toà các bị đơn cũng nhất trí về mức và thời điểm tính lãi xuất; do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi xuất của nguyên đơn.

[11] Về nghĩa vụ trả nợ; bị đơn ông Nông Văn T trình bày những lần bà B cho vợ chồng ông vay tiền, ông không được trực tiếp ký vào các giấy vay tiền đề ngày 6/5/2022, ngày 14/7/2022 dương lịch và giấy xác nhận trả nợ ngày 23/7/2023 ông đều đi làm, không có mặt ở nhà, tuy nhiên ông và bà T1 đã thống nhất trước với nhau về việc vay tiền của bà B và việc mục đích của việc vay tiền là để mở quán bán hàng ăn phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung của gia đình do vậy ông Nông Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị T1 hoàn trả các khoản vay cho bà Nguyễn Thị B.

[12] Về phương thức trả tiền: Bị đơn ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 nhất trí thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ 161.030.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề xuất phương án thoả thuận sẽ trả tiền nợ làm nhiều lần, trong khoảng thời gian kéo dài “*khi nào có tiền thì trả*”; đề nghị này không có trong thoả thuận hợp đồng và không phù hợp với những cam kết khi vay tiền nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của các bị đơn.

[13] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ do đó không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền 161.030.000 đồng x 5% = 8.052.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ chứng minh phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nêu trên nên được chấp nhận.

[15] Các đương sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 117, 163, 164, 166, 275, 280, 401, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ 161.030.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) theo các Giấy vay tiền ngày 06/5/2022, Giấy vay tiền ngày 14/7/2022 dương lịch tức ngày 16/6/2022 âm lịch, Giấy xác nhận trả nợ ngày 23/7/2023 và Giấy vay tiền lập tháng 01/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 01/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được các bên đương sự thống nhất, thỏa thuận là 01%/01 tháng/số tiền (một phần trăm/một tháng).

2. Án phí:

- Ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 8.052.000đ (tám triệu, không trăm, năm mươi hai nghìn đồng - đã làm tròn) để nộp Ngân sách nhà nước.

- Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền 4.026.000đ (bốn triệu, không trăm, hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004854 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Hữu Lũng;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng;
- Các đương sự:;
- Lưu: Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường.